Ký bởi: Sở Tư pháp
Email: stphap@ninhbinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Ninh Bình
Thời gian ký: 29.12.2021 14:00:59 +07:00

SAO Y

Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình
hdnd@ninhbinh.gov.vn
Tỉnh Ninh Bình
22/12/2021 14:59:42

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 132/2021/NQ-HĐND	*Ninh Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và trường Đại học Hoa Lư; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, Tài chính, Tư pháp;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Trần Hồng Quảng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 132/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; cụ thể các kỳ thi, cuộc thi, hội thi sau:

1. Các kỳ thi: Tốt nghiệp trung học phổ thông; tuyển sinh đầu cấp; chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa; khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục về văn hóa cấp tỉnh; thể dục thể thao cấp huyện, cấp tỉnh; an ninh, quốc phòng cấp huyện, cấp tỉnh; nghề phổ thông cấp huyện, cấp tỉnh; chọn học sinh giỏi vào đội tuyển tham dự kỳ thi khu vực, quốc gia; chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

2. Các cuộc thi: Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực, cấp quốc gia; câu lạc bộ toán tuổi thơ cấp huyện, cấp tỉnh; Olympic tài năng Tiếng Anh cấp huyện, cấp tỉnh; trạng nguyên tiếng Việt cấp huyện, cấp tỉnh; an toàn giao thông cấp tỉnh; tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cấp huyện, cấp tỉnh; học sinh với ý tưởng khởi nghiệp cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia.

3. Các hội thi: Giáo viên dạy giỏi các cơ sở giáo dục mầm non cấp huyện, cấp tỉnh; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông cấp huyện, cấp tỉnh; giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh; nuôi dưỡng, chăm sóc sức khoẻ trẻ mầm non cấp huyện, cấp tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình; Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý kinh phí

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

2. Việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và chế độ kế toán hiện hành.

3. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Chương II
NỘI DUNG, MỨC CHI CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

Điều 4. Quy định nội dung, mức chi cho công tác đề thi như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
a)	Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho người tham gia soạn thảo, biên tập, hoàn thiện câu trắc nghiệm	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định nội dung, mức chi, mức hỗ trợ dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình	
b)	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
-	Chi tiền công xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi:		
	Chủ trì xây dựng	Đồng/người/ngày	600.000
	Thành viên xây dựng	Đồng/người/ngày	420.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
-	Chi tiền công phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi	Đồng/người/ngày	400.000
c)	Chi soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	50.000
d)	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	45.000
đ)	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	40.000
e)	Chi xây dựng đề thi thử nghiệm; tổ chức thử nghiệm và phân tích, đánh giá các đề thi sau thử nghiệm		
-	Chi xây dựng ma trận đề thi trắc nghiệm	Đồng/người/ngày	300.000
-	Chi xây dựng đề thi gốc (Phản biện và đáp án)	Đồng/đề	900.000
-	Chi xây dựng các mã đề thi	Đồng/đề	300.000
-	Tiền công cho Hội đồng thi thử nghiệm		
	Chủ tịch	Đồng/người/ngày	350.000
	Phó Chủ tịch	Đồng/người/ngày	300.000
	Thư ký, Giám thị	Đồng/người/ngày	280.000
	Nhân viên bảo vệ	Đồng/người/ngày	200.000
g)	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	28.000
h)	Thuê chuyên gia thẩm định câu hỏi	Đồng/người/ngày	480.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
i)	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	8.000
k)	Tiền công phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Thực hiện theo mức chi quy định tại điểm đ khoản 9 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông	
l)	Chi phí đi lại, ăn ở cho thành viên làm công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, Hội đồng thi thử nghiệm (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình	
2	Chi công tác ra đề thi		
a)	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
-	Chi tiền công xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Chủ trì xây dựng	Đồng/người/ngày	600.000
	Thành viên xây dựng	Đồng/người/ngày	420.000
-	Chi tiền công phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi	Đồng/người/ngày	400.000
b)	Chi ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận (chỉ áp dụng cho các môn thi không có ngân hàng câu hỏi thi)		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/đề	500.000
	Thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển đi thi cấp khu vực, cấp quốc gia	Đồng/đề theo phân môn	950.000
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/đề theo phân môn	600.000
	Thi tuyển sinh lớp 10 trường trung học phổ thông chuyên	Đồng/đề theo phân môn	600.000
	Thi tuyển sinh lớp 10 hệ đại trà	Đồng/đề	500.000
	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác quy định tại Điều 1 Quy định này	Đồng/đề	400.000
c)	Chi ra đề thi chính thức và dự bị (soạn thảo, thẩm định, phản biện) có kèm theo đáp án, biểu điểm		
	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông (đề tự luận, đề trắc nghiệm)	Đồng/người/ngày	450.000
	Thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển đi thi cấp khu vực, cấp quốc gia (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói gồm 10 chủ đề)	Đồng/người/ngày	800.000
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành)	Đồng/người/ngày	500.000
	Thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành)	Đồng/người/ngày	500.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Thi tuyển sinh vào lớp 10 hệ đại trà (đề tự luận, đề trắc nghiệm)	Đồng/người/ngày	400.000
	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác quy định tại Điều 1 Quy định này	Đồng/đề	350.000
d)	Chi tiền công cho Hội đồng/Ban ra đề thi		
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	450.000
	Phó Chủ tịch thường trực/Phó trưởng ban thường trực	Đồng/người/ngày	400.000
	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	380.000
	Uỷ viên, Thư ký	Đồng/người/ngày	320.000
	Công an, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Đồng/người/ngày	280.000
	Công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	200.000
3	Chi công tác in sao đề thi (chi tiền công cho Hội đồng/Ban in sao đề thi)		
a)	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400.000
b)	Phó Chủ tịch thường trực/Phó trưởng ban thường trực	Đồng/người/ngày	370.000
c)	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	350.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
d)	Uỷ viên, Thư ký	Đồng/người/ngày	300.000
đ)	Công an, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Đồng/người/ngày	280.000
e)	Công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	200.000

Điều 5. Quy định nội dung, mức chi cho công tác tổ chức thi và chấm thi như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tổ chức thi		
a)	Chi công tác chuẩn bị thi (gồm: Tiếp nhận, nhập và quản lý dữ liệu, sắp xếp phòng thi, dán ảnh, xử lý hồ sơ thi, đóng gói phiếu trả lời trắc nghiệm và các công việc khác liên quan đến công tác chuẩn bị thi)		
	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	240.000
	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	200.000
	Uỷ viên, Thư ký	Đồng/người/ngày	180.000
b)	Chi tiền công cho Ban vận chuyển và bàn giao đề thi		
	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	350.000
	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	320.000
	Uỷ viên	Đồng/người/ngày	280.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Công an, bảo vệ	Đồng/người/ngày	200.000
c)	Chi tiền công cho Hội đồng/Ban coi thi/Điểm thi		
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban/Trưởng điểm	Đồng/người/ngày	350.000
	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban/Phó trưởng điểm	Đồng/người/ngày	300.000
	Uỷ viên, thư kí, giám thị, công an, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Đồng/người/ngày	280.000
	Bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	200.000
2	Tổ chức chấm thi		
a)	Chi tiền công cho các thành viên của Ban làm phách		
	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400.000
	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	350.000
	Uỷ viên, Thư ký	Đồng/người/ngày	300.000
	Công an, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Đồng/người/ngày	280.000
	Công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	200.000
b)	Chi chấm bài thi tự luận, bài thi nói, bài thi thực hành, bài thi tin học; sản phẩm khoa học kỹ thuật		
	Thi tốt nghiệp Trung học phổ	Đồng/người/ngày	400.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	thông		
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	500.000
	Thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển đi thi cấp quốc gia	Đồng/người/ngày	500.000
	Thi tuyển sinh vào lớp 10 đại trà	Đồng/người/ngày	350.000
	Thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên	Đồng/người/ngày	500.000
	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác được quy định tại Điều 1 Quy định này	Đồng/người/ngày	350.000
c)	Chấm bài thi trắc nghiệm		
	Chấm bài thi trắc nghiệm (chấm trực tiếp trên giấy)	Đồng/người/ngày	350.000
	Chấm bài thi trắc nghiệm (chấm trên máy)	Đồng/người/ngày	400.000
d)	Tiền công cho Tổ trưởng, Tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi):		
	Đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi, thi chọn đội tuyển quốc gia	Thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông	
	Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác được quy định tại Điều 1 Quy định này	Đồng/người/ngày	240.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
đ)	Chi tiền công cho các thành viên của Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, Hội đồng/Ban chấm thẩm định		
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	350.000
	Phó Chủ tịch thường trực/Phó trưởng ban thường trực	Đồng/người/ngày	320.000
	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Đồng/người/ngày	300.000
	Uỷ viên, Thư ký, Kỹ thuật viên	Đồng/người/ngày	280.000
	Công an bảo vệ vòng trong (24/24h)	Đồng/người/ngày	240.000
	Công an bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	200.000
3	Chi tiền công cho các thành viên của Ban Chỉ đạo thi		
a)	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	450.000
b)	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	400.000
c)	Uỷ viên, Thư ký	Đồng/người/ngày	350.000
4	Chi tiền công cho các thành viên của Hội đồng thi		
a)	Chủ tịch	Đồng/người/ngày	450.000
b)	Phó Chủ tịch	Đồng/người/ngày	400.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
c)	Uỷ viên	Đồng/người/ngày	350.000
5	Chi tiền công cho các thành viên của Ban thư kí hội đồng thi		
a)	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	360.000
b)	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	300.000
c)	Uỷ viên	Đồng/người/ngày	250.000
6	Chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi		
a)	Chi tiền công tác phí đi công tác để thanh tra, kiểm tra	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình	
b)	Chi tiền công cho các thành viên Đoàn thanh tra, kiểm tra		
	Trưởng đoàn thanh tra	Đồng/người/ngày	350.000
	Phó Trưởng đoàn thanh tra	Đồng/người/ngày	320.000
	Đoàn viên thanh tra	Đồng/người/ngày	280.000
	Thanh tra viên độc lập	Đồng/người/ngày	300.000

Điều 6. Quy định nội dung, mức chi cho công tác tập huấn và tham dự kỳ thi, cuộc thi khu vực, quốc gia:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi công tác tập huấn đội tuyển học sinh giỏi tỉnh và các dự án khoa học kỹ thuật dự thi khu vực, quốc gia; tập huấn các đội tuyển quốc gia		
a)	Chi tổ chức hội thảo xây dựng đề cương chi tiết cho chương trình tập huấn	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình	
b)	Chi dịch tài liệu tham khảo (nếu có)	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định chế độ tiếp khách trong nước, tiếp khách nước ngoài và chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam của tỉnh Ninh Bình	
c)	Chi tiền công cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Đồng/người/ngày	150.000
d)	Chi tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, dạy thực hành	Đồng/tiết	250.000
đ)	Chi tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Đồng/tiết	120.000
2	Chi cho công tác tham dự các kỳ thi, cuộc thi		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
a)	Chi phí cho các thành viên của đoàn và học sinh tham dự các kỳ thi, cuộc thi khu vực, quốc gia	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình	
b)	Chi tiền công soạn đề thi gửi Ban tổ chức các kỳ thi, cuộc thi khu vực, quốc gia	Đồng/câu	500.000
c)	Chi may đồng phục cho đoàn tham dự kỳ thi, cuộc thi khu vực, quốc gia	Đồng/bộ/người	1.500.000

Điều 7. Quy định nội dung, mức chi cho các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức, tập huấn, tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/ Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly		
a)	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Mức chi bằng 150% mức chi quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
b)	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách)	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình	
2	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ, tiền ở, tiền đi lại cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có); giáo viên (nếu có) và học sinh các đội dự tuyển của tỉnh trong quá trình tập huấn để tham dự các kỳ thi, cuộc thi khu vực, quốc gia	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình	
3	Chi tiền công cho nhân viên y tế, nhân viên phục vụ công tác chuẩn bị, công tác đề thi, công tác tổ chức thi, chấm thi, công tác tập huấn và tham dự kỳ thi, cuộc thi khu vực, quốc gia	Đồng/người/ngày	150.000
4	Chi tiền công cho thành viên Hội đồng xét tuyển sinh, Hội đồng xét tốt nghiệp		
a)	Chủ tịch	Đồng/người/ngày	350.000
b)	Phó Chủ tịch	Đồng/người/ngày	300.000
c)	Uỷ viên, Thư ký	Đồng/người/ngày	280.000
5	Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi; thuê địa điểm thi, địa điểm tổ chức chấm thi, địa điểm làm việc (nếu có)	Theo thực tế	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
6	Chi thuê phòng học, phòng thí nghiệm; thuê phương tiện đi thực tế, thực hành cho việc tập huấn các đội dự tuyển dự thi khu vực, quốc gia	Theo thực tế	
7	Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề thi, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi, tập huấn các đội tuyển và tham dự các kỳ thi khu vực, quốc gia; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi	Theo thực tế	
8	Chi gặp mặt đội tuyển học sinh giỏi tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Đồng/học sinh	1.000.000
9	Các chi phí khác	Theo thực tế, tính chất công việc và trong phạm vi dự toán giao	

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ sở giáo dục, đào tạo, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc địa phương quản lý được áp dụng nội dung, mức chi tại Quy định này trong tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với

thực tế của đơn vị.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Uỷ ban nhân dân tỉnh để Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.